

**Công ty Cổ phần Phát triển Điện nông thôn Trà Vinh**

Địa chỉ: Khóm 1, Phường 9, Thành phố Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh

Website: [www.diennongthontv.com](http://www.diennongthontv.com)



# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

# 2017



CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐIỆN NÔNG THÔN TRÀ VINH

# Mục lục

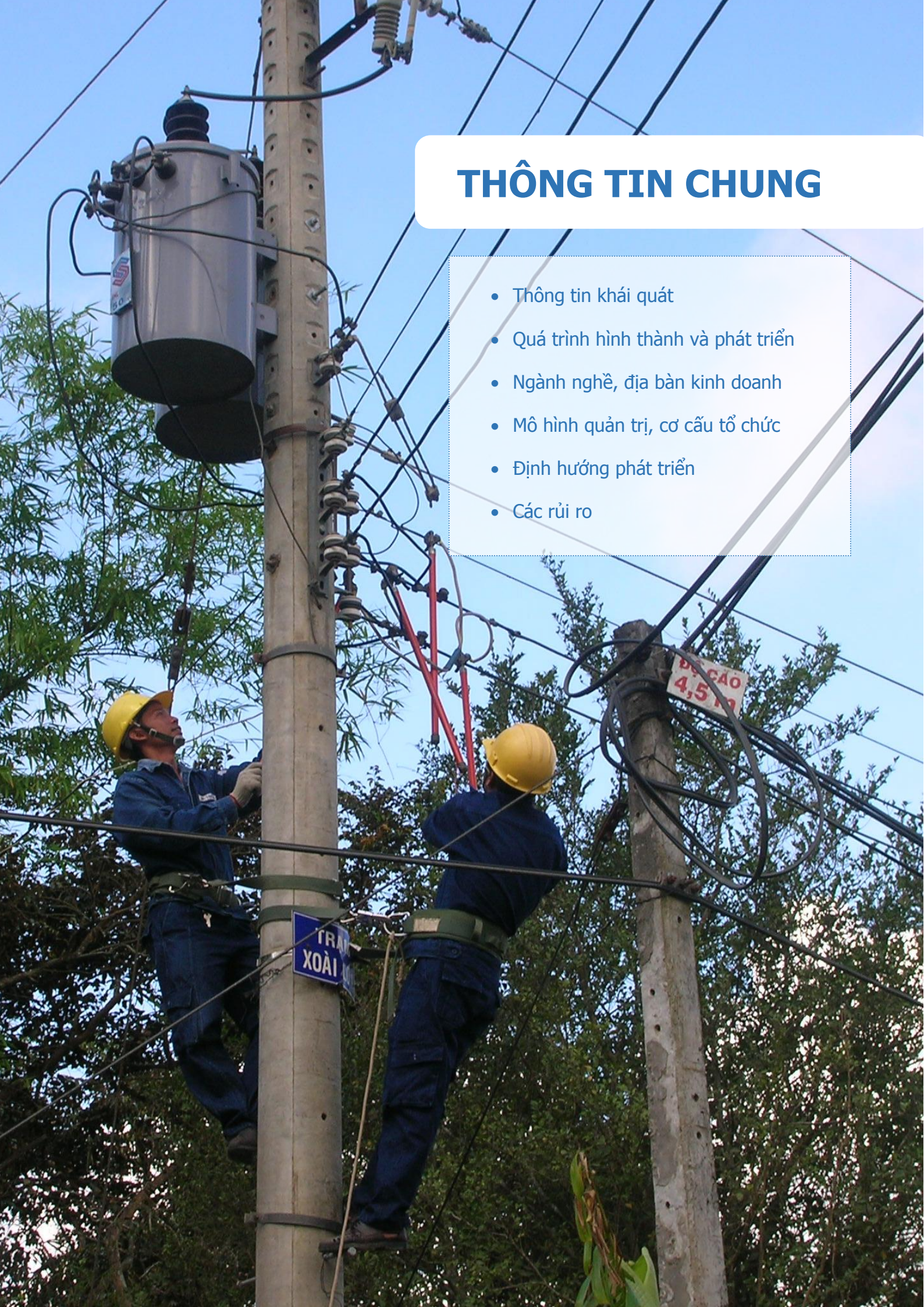
THÔNG TIN CHUNG	<b>4</b>
TỔ CHỨC NHÂN SỰ	<b>12</b>
TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM	<b>20</b>
BÁO CÁO BAN GIÁM ĐỐC	<b>28</b>

<b>36</b>	BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
<b>40</b>	BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG
<b>44</b>	QUẢN TRỊ CÔNG TY
<b>49</b>	BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2017



# THÔNG TIN CHUNG

- Thông tin khái quát
- Quá trình hình thành và phát triển
- Ngành nghề, địa bàn kinh doanh
- Mô hình quản trị, cơ cấu tổ chức
- Định hướng phát triển
- Các rủi ro





## THÔNG TIN KHÁI QUÁT

**Tên giao dịch** : Công ty Cổ phần Phát triển Điện nông thôn Trà Vinh

**Trụ sở chính** : Khóm 1, Phường 9, TP Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh

**Điện thoại** : (0294) 3850017

**Fax** : (0294) 3850017

**Website** : [www.diennongthontv.com](http://www.diennongthontv.com)

**Vốn điều lệ** : 52.800.000.000 đồng

**Vốn đầu tư của chủ sở hữu** : 52.800.000.000 đồng

**Mã cổ phiếu** : DTV

**Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số** : 2100110200 do phòng Đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Trà Vinh cấp thay đổi lần thứ 4 ngày 01 tháng 08 năm 2017.

**Logo Công ty** :



## QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

**Tiền thân**

Công ty Cổ phần Phát triển Điện Nông thôn Trà Vinh tiền thân là Ban Quản lý Điện Nông thôn Trà Vinh trực thuộc UBND tỉnh Trà Vinh.

**Tháng 10/1996**

Công ty Phát triển Điện Nông thôn Trà Vinh chính thức đi vào hoạt động với nguồn vốn gần 500 triệu đồng.

**Tháng 07/2006**

Công ty Cổ phần Phát triển Điện Nông thôn Trà Vinh chính thức đi vào hoạt động dưới mô hình công ty cổ phần với mức vốn điều lệ 52.800.000.000 đồng

**Tháng 09/2010**

Cổ phiếu Công ty Cổ phần Phát triển Điện Nông thôn Trà Vinh chính thức được giao dịch trên sàn giao dịch UPCoM với mã chứng khoán DTV

**Tháng 08/2017**

Thay đổi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ 4.

## NGÀNH NGHỀ, ĐỊA BÀN KINH DOANH

### Ngành nghề kinh doanh chính

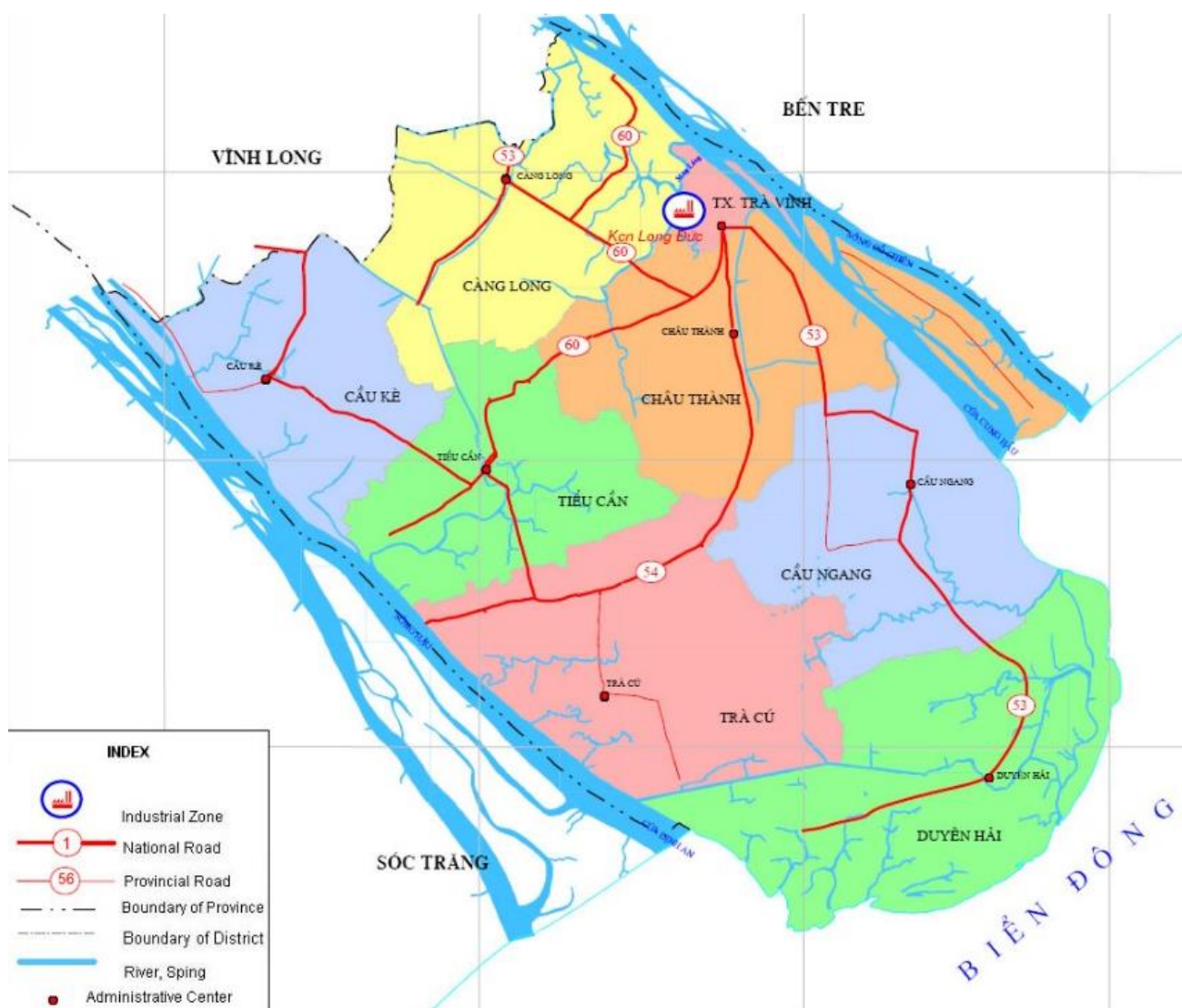
Kinh doanh mua bán điện, vật tư chuyên ngành điện

Đầu tư xây dựng phát triển các công trình điện. Thi công lắp đặt đường dây và trạm biến áp đến cấp điện áp 35KV

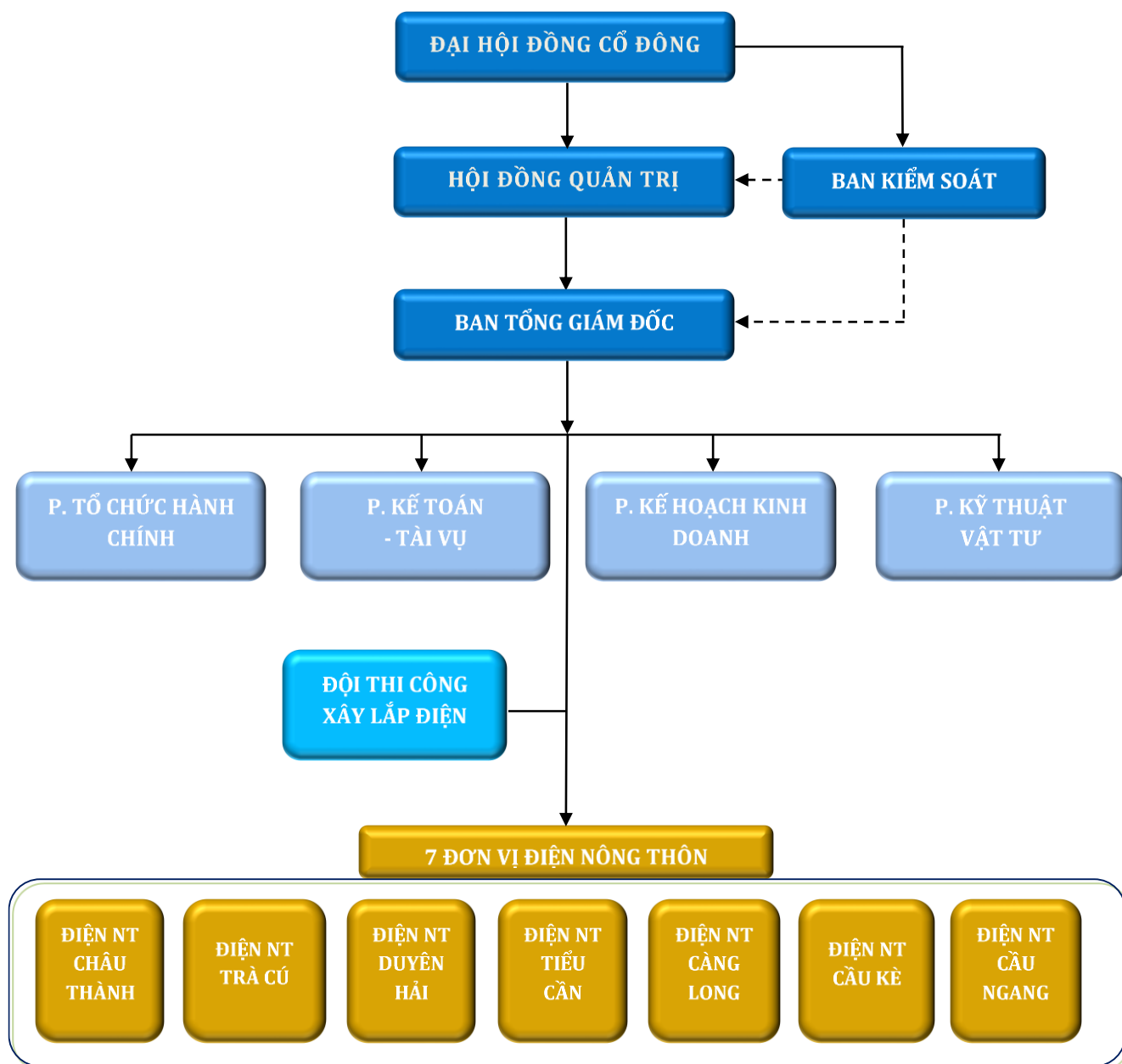
Tư vấn, thiết kế, giám sát các công trình điện đến cấp điện áp 35KV

### Địa bàn kinh doanh

Công ty hoạt động và kinh doanh trên 07 huyện, 01 thị xã và một phần Thành phố Trà Vinh.



## Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý



Các công ty con, công ty liên kết

Không có



## ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

### Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

- Mở rộng mạng lưới khách hàng và gia tăng sản lượng điện cung cấp. Hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh được đề ra tại Đại hội đồng cổ đông và đảm bảo lợi nhuận mục tiêu cho năm 2018.
- Tiếp tục đẩy mạnh công tác đầu tư mới các công trình đường dây hạ thế, cải tạo và sửa chữa các đường dây đã xuống cấp.
- Mở rộng chi nhánh và các phòng giao dịch để kịp thời tiếp nhận ý kiến từ khách hàng với mục tiêu nâng cao chất lượng dịch vụ.
- Tạo điều kiện để công nhân viên công ty được tham gia các khóa huấn luyện kỹ năng chuyên môn và kỹ năng phát triển bản thân.



### Đối với môi trường, xã hội, cộng đồng

- Nghiêm túc thực hiện các quy định của pháp luật đối với các hoạt động xây dựng, quản lý, vận hành các công trình điện, đảm bảo an toàn điện cho các hộ dân trên địa bàn.
- Đảm bảo đời sống và việc làm của người lao động, góp phần hỗ trợ sự phát triển của dân cư trong vùng phục vụ của Công ty.
- Tích cực tham gia các hoạt động xã hội, hoạt động thiện nguyện, góp phần vào công cuộc xây dựng Nông thôn mới ở Trà Vinh.

### Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- Tìm kiếm, tuyển dụng kỹ sư chuyên ngành để từng bước nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng phát triển của công ty.
- Sắp xếp và tinh giản bộ máy tổ chức, điều chỉnh nhân sự một số phòng ban nhằm đạt được hiệu quả cao trong công tác quản lý và sử dụng hiệu quả chi phí công ty.
- Áp dụng công nghệ thông tin vào hệ thống điều hành và quản lý công ty. Tập trung phát triển các hoạt động chăm sóc khách hàng, nhằm theo sát nhu cầu thực tế và cải thiện chất lượng dịch vụ.

## Rủi ro kinh tế

- Kinh tế xã hội Việt Nam năm 2017 diễn ra trong bối cảnh kinh tế thế giới tiếp tục đà phục hồi, các nền kinh tế lớn như Mỹ, Trung Quốc, Nhật Bản, Liên minh Châu Âu đạt mức tăng trưởng khả quan. Năm 2017 đã qua là một năm đáng nhớ đối với nền Kinh tế Việt Nam khi ghi nhận mức tăng trưởng GDP đạt 6,81%, vượt chỉ tiêu 6,7% do Quốc Hội đề ra, cao hơn mức tăng của các năm 2011 – 2016. Bên cạnh đó, các mục tiêu vĩ mô khác cũng ghi nhận kết quả tích cực, lạm phát được kiểm chế, thu hút vốn đầu tư Nước ngoài lập kỷ lục với con số 17,5 tỷ USD, ...
- Trong bối cảnh thuận lợi của nền kinh tế vĩ mô cả nước, tỉnh Trà Vinh cũng đạt những kết quả khả quan. Tổng sản phẩm trong tỉnh (GRDP) năm 2017 theo giá so sánh 2010 ước thực hiện 27.854 tỷ đồng, tăng 12,09% so năm 2016. Tốc độ tăng trưởng khá cao, chủ yếu do ngành phân phối điện và khí đốt tăng mạnh vì năm nay có thêm 01 nhà máy Nhiệt điện đi vào hoạt động. Bên cạnh đó, tình hình sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản cũng tương đối thuận lợi về thời tiết, nhiều công trình thủy lợi được đầu tư, nông dân chủ động áp dụng nhiều biện pháp khoa học kỹ thuật vào sản xuất.
- ❖ Với hoạt động chủ yếu là cung cấp điện cho các hộ dân ở vùng nông thôn, vùng nuôi tôm trên địa bàn tỉnh, kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cổ phần Phát triển Điện nông thôn Trà Vinh chịu ảnh hưởng trực tiếp từ các yếu tố vĩ mô sự phát triển chung của nền kinh tế, mức sống của người dân và tình hình xuất khẩu thủy sản.

## Rủi ro đặc thù

- Đặc thù của ngành kinh doanh điện là giá mua và bán điện phụ thuộc vào sự điều chỉnh giá của Nhà nước. Biến động về giá bán điện sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các công ty điện. Trong khi đó, giá thành sản xuất điện không ngừng tăng lên do chi phí đầu vào tăng và sẽ tăng với tốc độ cao hơn nhiều lần mức độ tăng giá bán điện.

## Rủi ro pháp luật

- Hoạt động của Công ty cổ phần Phát triển Điện nông thôn Trà Vinh chịu sự chi phối của Luật Doanh Nghiệp, Luật Chứng khoán, cùng với các văn bản Luật và dưới Luật khác. Trong quá trình sửa đổi và hoàn thiện, sự thay đổi về mặt chính sách, pháp luật sẽ ít nhiều ảnh hưởng đến hoạt động quản trị, kinh doanh của Công ty. Điều này đòi hỏi Công ty cần linh hoạt điều chỉnh sao cho đáp ứng được những sự thay đổi này.

## Rủi ro môi trường

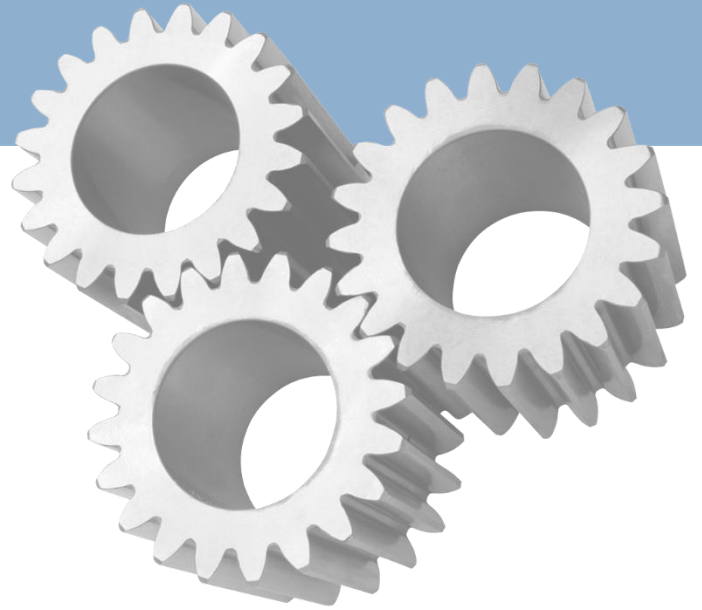
- Với vị trí địa lý giáp biển, tỉnh Trà Vinh là một trong những vùng đất chịu tác động trực tiếp bởi tình trạng nhiễm mặn. Chính vì thế những công trình, vật tư thiết bị điện của DTV dễ bị ảnh hưởng bởi hiện tượng xâm nhập mặn. Để giảm thiểu tác động từ môi trường, Công ty duy trì công tác kiểm tra vật tư thường xuyên để kịp thời sửa chữa.

## Rủi ro khác

- Các rủi ro bất khả kháng có thể kể đến như: thiên tai, hỏa hoạn, lũ lụt,... Những rủi ro này hiếm khi xảy ra, nhưng khi xảy ra sẽ ảnh hưởng rất lớn đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Bên cạnh đó, rủi ro về an toàn điện luôn là một trong những mối quan tâm hàng đầu trong ngành cung cấp, phân phối điện. Do đó, Công ty thường xuyên thực hiện kiểm tra an toàn mạng lưới, chú trọng công tác đào tạo, chính sách bảo hiểm cho người lao động của Công ty.
- Sát hạch công tác an toàn điện cho Đội ngũ quản lý và người lao động.
- An toàn vận hành các công trình điện hạ áp



# TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ



- ✓ **Ban điều hành công ty**
- ✓ **Hội đồng quản trị**
- ✓ **Ban kiểm soát**
- ✓ **Những thay đổi trong ban điều hành**
- ✓ **Tình hình nhân sự và chính sách đối với người lao động**

## BAN ĐIỀU HÀNH CÔNG TY

### Thành viên ban điều hành công ty

Thành viên Ban Điều hành	Chức Vụ
Lý Ngọc Tuấn	Tổng Giám đốc
Trương Thị Thùy Linh	Phó Tổng Giám đốc
Lê Thị Ngọc Hằng	Kế toán trưởng

### Sơ yếu lý lịch Ban điều hành:

#### **Ông Lý Ngọc Tuấn – Tổng Giám đốc**

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Điện - Điện tử (Điện năng)

Số lượng cổ phiếu sở hữu cá nhân: 3.800 cổ phần - tỷ lệ 0,07% vốn điều lệ

Đại diện phần vốn: 0 cổ phần - tỷ lệ 0% vốn điều lệ



**Bà Trương Thị Thùy Linh – Phó Tổng Giám đốc**

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị Kinh doanh

Số lượng cổ phiếu sở hữu cá nhân: 32.900 cổ phần - tỷ lệ 0,62% vốn điều lệ

Đại diện phần vốn: 0 cổ phần - tỷ lệ 0% vốn điều lệ

**Bà Lê Thị Ngọc Hằng – Kế toán trưởng**

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Số lượng cổ phiếu sở hữu cá nhân: 4.300 cổ phần - tỷ lệ 0,08% vốn điều lệ

Đại diện phần vốn: 0 cổ phần - tỷ lệ 0% vốn điều lệ

## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thành viên HĐQT	Chức Vụ
Bà Lê Thị Khê	Chủ tịch HĐQT
Ông Lê Tuấn Hải	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Trọng Hiền	Thành viên HĐQT
Ông Võ Phùng Thuận	Thành viên HĐQT
Ông Vũ Hiền	Thành viên HĐQT

### CƠ CẤU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- ❖ **Bà Lê Thị Khê – Chủ tịch Hội đồng quản trị**
  - Số lượng cổ phiếu sở hữu cá nhân: 56.200 cổ phần
  - Đại diện phần vốn: 0 cổ phần
- ❖ **Ông Lê Tuấn Hải – Thành viên Hội đồng quản trị**
  - Số lượng cổ phiếu sở hữu cá nhân: 0 cổ phần
  - Đại diện phần vốn: 0 cổ phần
- ❖ **Ông Nguyễn Trọng Hiền - Thành viên Hội đồng quản trị**
  - Số lượng cổ phiếu sở hữu cá nhân: 0 cổ phần
  - Đại diện phần vốn: 0 cổ phần
- ❖ **Ông Võ Phùng Thuận – Thành viên HĐQT**
  - Số lượng cổ phiếu sở hữu cá nhân: 0 cổ phần
  - Đại diện phần vốn: 0 cổ phần
- ❖ **Ông Vũ Hiền – Thành viên Hội đồng quản trị**
  - Số lượng cổ phiếu sở hữu cá nhân: 0 cổ phần
  - Đại diện phần vốn: 0 cổ phần

## BAN KIỂM SOÁT

Thành viên Ban kiểm soát	Chức Vụ
Bà Nguyễn Thị Huỳnh Phương	Trưởng Ban
Bà Lương Thu Hằng	Thành viên

### CƠ CẤU BAN KIỂM SOÁT

- ❖ **Bà Nguyễn Thị Huỳnh Phương – Trưởng Ban kiểm soát**
  - Số lượng cổ phiếu sở hữu cá nhân: 0 cổ phần
  - Đại diện phần vốn: 0 cổ phần
- ❖ **Bà Lương Thu Hằng – Thành viên Ban kiểm soát**
  - Số lượng cổ phiếu sở hữu cá nhân: 0 cổ phần
  - Đại diện phần vốn: 0 cổ phần



## NHỮNG THAY ĐỔI TRONG BAN ĐIỀU HÀNH

**Trong năm Công ty đã có những thay đổi trong BĐH, HĐQT, BKS như sau:**

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 đã thông qua đơn xin từ nhiệm chức vụ Trưởng Ban kiểm soát của bà Hồ Thị Á và bầu bà Nguyễn Thị Huỳnh Phương là Trưởng Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2016 – 2020.

Nghị quyết 06/NQ – HĐQT thông qua miễn nhiệm chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị của ông Lê Tuấn Hải và phê chuẩn kết quả bầu bà Lê Thị Khê giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Phát triển Điện Nông thôn Trà Vinh từ ngày 31/07/2017. Nghị quyết 07/NQ – HĐQT thông qua miễn nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc đối với bà Lê Thị Khê và bổ nhiệm ông Lý Ngọc Tuấn giữ chức Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Phát triển điện Nông thôn Trà Vinh từ ngày 31/07/2017.

## TÌNH HÌNH NHÂN SỰ VÀ CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

**Tổng số lao động năm 2017 là 196 người**

Trong đó:

STT	Tính chất phân loại	Năm 2017	Tỷ trọng 2017
<b>A</b>	<b>Theo trình độ lao động</b>	<b>196</b>	<b>100%</b>
1	Trình độ đại học, Trên đại học	53	27%
2	Trình độ cao đẳng	29	15%
3	Trình độ trung cấp	57	29%
4	Công nhân chuyên nghiệp	56	29%
5	Lao động phổ thông	1	1%
<b>B</b>	<b>Theo loại hợp đồng lao động</b>	<b>196</b>	<b>100%</b>
1	Không thời hạn	157	80%
2	Có thời hạn	39	20%
<b>C</b>	<b>Theo giới tính</b>	<b>196</b>	<b>100%</b>
1	Nam	175	89%
2	Nữ	21	11%

## TÌNH HÌNH NHÂN SỰ VÀ CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

THU NHẬP BÌNH QUÂN CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG QUA CÁC NĂM (ĐỒNG/THÁNG/NGƯỜI)		
STT	Năm	Mức lương bình quân (Triệu Đồng/ người /tháng)
1	2015	10,71
2	2016	13,11
3	2017	12,16

### Chính sách tuyển dụng

Để đảm bảo nguồn nhân lực chất lượng, quá trình tuyển dụng đóng vai trò tiên quyết, giúp Công ty có được nguồn nhân lực có chuyên môn phù hợp với định hướng phát triển của Công ty trong tương lai. Tuyển chọn tốt cũng đồng nghĩa với việc giảm rủi ro trong quá trình thực hiện công việc cũng như chi phí thay đổi nhân sự. Để việc tuyển dụng phát huy hiệu quả, Công ty tiến hành xây dựng những bản mô tả công việc chi tiết với nhiệm vụ và những yêu cầu cần có. Ngoài ra, Công ty còn thực hiện chuẩn hóa quy trình tuyển dụng cho từng phòng ban. Nội dung của từng bước trong quy trình tuyển dụng thường xuyên được chú trọng, cập nhật sao cho phù hợp với thực tế công việc.

### Chính sách đào tạo

Xác định việc đào tạo là nguồn lực đầu tư và phát triển lâu dài, Công ty đã rất quan tâm và xây dựng các cơ chế chính sách, quy chế, quy định đào tạo để khuyến khích cán bộ nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Kết hợp tốt giữa các hình thức đào tạo nội bộ, đào tạo bên ngoài; đào tạo ngắn hạn và đào tạo dài hạn. Có chính sách khen thưởng để động viên, khuyến khích cán bộ, công nhân viên tự học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

### Chính sách lương thưởng, phúc lợi

Cán bộ công nhân viên được nhận lương theo đúng quy chế lương nội bộ Công ty và phù hợp với các quy định của Nhà Nước. Công ty luôn đảm bảo chi trả đúng thời hạn, đầy đủ, và công bằng cho người lao động. Ngoài ra, cán bộ công nhân viên Công ty được tham gia Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp. Bảo hiểm tai nạn theo quy định của Luật Lao động. Ngoài ra, Công ty còn thực hiện chính sách thưởng xứng đáng cho tập thể và cá nhân có thành tích xuất sắc nhằm động viên tinh thần sáng tạo, cống hiến trong công việc.



# **TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM**

- ✓ **Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh**
- ✓ **Tình hình hoạt động đầu tư**
- ✓ **Tình hình tài chính**
- ✓ **Cơ cấu cổ đông và thay đổi trong vốn đầu tư của chủ sở hữu**



TRẠM  
ẤP TRẠI

CẢM TRƯỚC!



DIỆN ẤP CAO  
NGUY HIỂM  
CHẾT NGƯỜI

476TV

178





## TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

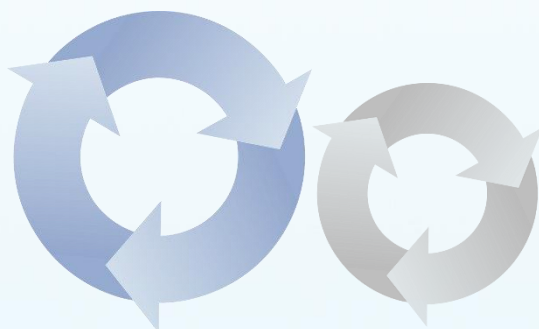
Tình hình kinh tế vĩ mô ổn định trong nước cùng với điều kiện thời tiết thuận lợi trong năm 2017 góp phần thúc đẩy hoạt động sản xuất nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản của bà con vùng Đồng bằng sông Cửu Long nói chung và tỉnh Trà Vinh nói riêng. Qua đó, thu nhập và mức sống của bà con được nâng cao, nhu cầu điện dành cho sinh hoạt và sản xuất cũng gia tăng. Môi trường kinh tế thuận lợi cùng với sự nỗ lực của Ban lãnh đạo cùng với tập thể CBCNV, Công ty đã có một năm 2017 thành công.

Cụ thể, Công ty đã đạt được kết quả hoạt động kinh doanh vô cùng tích cực. Doanh thu thuần đạt hơn 378 tỷ đồng, tăng trưởng 9,7% so với năm 2016, vượt 7,35% kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông đề ra. Lợi nhuận trước thuế ghi nhận mức tăng trưởng gần 54%, đạt 24,65 tỷ đồng, vượt 76,08% so với kế hoạch.

### Cơ cấu doanh thu thuần

Các chỉ tiêu	Năm 2016		Năm 2017	
	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)
<b>Doanh thu bán điện thương phẩm</b>	328.191	94,75%	365.550	96,46%
<b>Doanh thu bán thiết bị điện</b>	18.167	5,25%	13.398	3,54%
<b>Tổng cộng</b>	<b>346.358</b>	<b>100,00%</b>	<b>378.948</b>	<b>100,00%</b>

Doanh thu hợp nhất của Công ty đến từ hai mảng hoạt động kinh doanh chính bao gồm: kinh doanh điện thương phẩm và kinh doanh thiết bị điện. Doanh thu bán điện thương phẩm vẫn là nguồn thu chủ yếu của DTV. Mảng hoạt động kinh doanh này tăng trưởng 11,38%, đạt 365,55 tỷ đồng, chiếm 96,46% trong cơ cấu doanh thu của DTV. Trong khi đó, doanh thu bán thiết bị điện lại ghi nhận giảm 26,25%, đạt 13,40 tỷ đồng, chỉ chiếm 3,54% trong cơ cấu doanh thu. Có thể thấy rằng Công ty đang tập trung mọi nguồn lực để phát triển hoạt động kinh doanh chính.



## TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ

Tên hạng mục	Số lượng Công trình	Chiều dài (Km)	Dung lượng lắp mới TBA (kVA)	Tổng Kinh phí (triệu VNĐ)
<b>Cải tạo lưới hạ áp</b>	98	80.791	-	3.707
<b>Xây dựng mới lưới hạ áp</b>	52	32.795	-	2.266
<b>Xây dựng mới đường dây trung áp và Trạm biến áp</b>	8	1.125	912,5	1.617
<b>Xây dựng mới Trạm biến áp</b>	29	-	2.125	2.680
<b>Nâng công suất, di dời TBA 1 pha</b>	10	-	-	183
<b>Đầu tư toàn bộ hệ thống đo đếm điện kể cả các thiết bị, phụ kiện kèm theo</b>	-	-	-	4.295
<b>Tổng cộng</b>	197	114.711	3.037,5	14.748

Trong năm 2017, Công ty đã tiến hành cải tạo 98 công trình lưới hạ áp, xây dựng mới 52 công trình lưới hạ áp, thực hiện xây dựng mới 8 công trình đường dây trung áp và trạm biến áp. Bên cạnh đó, DTV cũng xây dựng mới 29 trạm biến áp và thực hiện 10 công trình nâng công suất, di dời TBA 1 pha. Những công trình này góp phần mở rộng mạng lưới cấp điện về vùng nông thôn, nâng cao chất lượng dịch vụ và mang lại kết quả hoạt động kinh doanh tích cực hơn cho DTV. Ngoài ra, những công trình này phần nào giúp giảm tổn thất điện năng, gia tăng mức độ an toàn điện cho đường dây truyền tải, góp phần vào sự phát triển bền vững trong thời gian tới cho DTV.

## TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2016	Năm 2017
Tổng giá trị tài sản	Tr.đồng	105.764	101.096
Doanh thu thuần	Tr.đồng	346.358	378.948
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	Tr.đồng	16.026	24.651
Lợi nhuận khác	Tr.đồng	-17	161
Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	16.009	24.812
Lợi nhuận sau thuế	Tr.đồng	12.750	19.728
EPS	Đồng	2.422	3.748

### Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2016	Năm 2017
<b>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	2,95	5,75
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	2,61	5,14
<b>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	22,64%	9,62%
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	29,27%	10,65%
<b>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	45,69	48,09
Vòng quay tài sản	Vòng	3,36	3,67
<b>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%	3,68	5,19
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	%	16,07	22,78
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	%	12,38	19,07
Hệ số Lợi nhuận từ HĐKD/ Doanh thu thuần	%	4,63	6,49

### **Chi tiêu về khả năng thanh toán**

Các hệ số về khả năng thanh toán thể hiện sự cải thiện đáng kể trong năm 2017. Hệ số thanh toán ngắn hạn đạt 5,75 lần, hệ số thanh toán nhanh đạt mức 5,14 lần. Đạt được điều này là do trong năm qua, DTV đã nỗ lực giảm thiểu những nghĩa vụ nợ ngắn hạn, cụ thể nợ ngắn hạn của Công ty giảm 53,77% so với cùng kỳ năm 2016.

### **Chi tiêu về cơ cấu vốn**

Có thể thấy rằng DTV đã nỗ lực duy trì tình hình tài chính khá lành mạnh khi hệ số Nợ/ Tổng tài sản và hệ số Nợ/ Vốn chủ sở hữu đều giảm mạnh so với năm 2016. Cụ thể hệ số Nợ/ Tổng tài sản giảm còn 9,62%, hệ số Nợ/ Vốn chủ sở hữu giảm còn 10,65%.



### **Chi tiêu về năng lực hoạt động**

Các chỉ tiêu về năng lực hoạt động của Công ty đều tăng dần qua các năm, thể hiện hiệu quả trong việc sử dụng tài sản luôn được chú ý cải thiện. Vòng quay hàng tồn kho năm 2017 ghi nhận ở mức 48,09 lần, tăng so với 45,69 lần năm 2016. Vòng quay tổng tài sản tăng từ 3,36 vòng trong năm 2016 lên mức 3,67 vòng trong năm 2017.

### **Chi tiêu về khả năng sinh lời**

Các chỉ tiêu về lợi nhuận năm 2017 đều thể hiện sự tăng trưởng ấn tượng trong năm. Cụ thể ROE đạt 22,78%, ROA đạt 19,07%. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh tăng từ 4,63% trong năm 2016 đạt mức 6,49% trong năm 2017. Cùng với sự tăng trưởng về doanh thu, việc DTV tích cực kiểm soát chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp cũng là một trong những động lực để đạt được những con số ấn tượng này.

## CƠ CẤU CỔ ĐÔNG VÀ THAY ĐỔI TRONG VỐN ĐẦU TƯ CHỦ SỞ HỮU

### CỔ PHẦN CÔNG TY

Cổ phần phổ thông: 5.280.000 cổ phần

Cổ phần ưu đãi: 0 cổ phần

Số lượng cổ phần đang lưu hành: 5.264.000 cổ phần

Cổ phiếu quỹ: 16.000 cổ phiếu

Mệnh giá: 10.000 VNĐ

Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng: 0

STT	Loại Cổ đông	Số lượng	Số CP sở hữu	Tỷ lệ (%)
1	<b>Cổ đông trong nước</b>			
	Tổ chức	3	4.939.800	93,56%
	Cá nhân	111	319.100	6,04%
2	<b>Cổ đông nước ngoài</b>			
	Tổ chức	1	5.100	0,10%
	Cá nhân	0	0	0,00%
3	<b>Cổ phiếu quỹ</b>		16.000	0.30%
	<b>Tổng cộng</b>			

### DANH SÁCH CỔ ĐÔNG LỚN

STT	Tên Cổ đông lớn	Số lượng cổ phần đang nắm giữ	Tỷ lệ
1	CTCP Cơ điện lạnh	3.489.272	66,08%
2	CTCP Tập đoàn Đầu tư IPA	1.075.258	20,36%
3	CTCP Galax	375.270	7,11%

### Tình hình thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu

Không có

### Công ty không có giao dịch cổ phiếu quỹ và các chứng khoán khác

Không có







# BÁO CÁO BAN GIÁM ĐỐC





- ✓ **Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh**
- ✓ **Tình hình tài chính**
- ✓ **Những cải tiến về cơ cấu tổ chức và chính sách quản lý**
- ✓ **Kế hoạch phát triển trong tương lai**
- ✓ **Giải trình của Ban Giám đốc với ý kiến kiểm toán**

## ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

### Thuận lợi

Tình hình kinh tế vĩ mô thuận lợi trong nước tạo điều kiện để phát triển sản xuất kinh doanh, đặc biệt là sản xuất nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản.

Tỉnh Trà Vinh chú trọng nâng cấp cơ sở vật chất, hạ tầng đô thị, đẩy mạnh công tác xây dựng Nông thôn mới. Công ty nhận được sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND Tỉnh, các Sở, Ban ngành các cấp chính quyền địa phương hỗ trợ tạo điều kiện để đầu tư phát triển mở rộng lưới điện.

Có định hướng đúng đắn từ Hội đồng quản trị cùng với sự chỉ đạo sát sao của Ban Tổng giám đốc.

Công ty có 7 chi nhánh điện nông thôn trên địa bàn 7 huyện, với cơ sở vật chất khang trang nhằm vận hành lưới điện hiệu quả, kịp thời xử lý các sự cố điện.

Tập thể cán bộ, nhân viên Công ty đoàn kết, gắn bó và phối hợp chặt chẽ với nhau, cùng hoàn thành nhiệm vụ được giao. Bên cạnh đó, cán bộ công nhân viên Công ty không ngừng phấn đấu nâng cao tay nghề, đồng thời đóng góp sáng kiến nâng cao hiệu suất lao động.

### Khó khăn

Tình trạng biến đổi khí hậu diễn biến phức tạp ở khu vực Đồng bằng sông Cửu Long ảnh hưởng đến hoạt động nông nghiệp của bà con đồng thời ảnh hưởng đến các hoạt động khảo sát, lắp đặt các công trình điện, đường dây mới của Công ty.

Trước những điều kiện thuận lợi và khó khăn trên, Ban Tổng giám đốc và tập thể người lao động Công ty đã nỗ lực, tận dụng mọi nguồn lực, phối hợp thực hiện và đạt được kết quả kinh doanh đáng tự hào. Doanh thu đạt gần 379 tỷ đồng, tăng trưởng 9,41% so với năm 2016. Hơn thế nữa, Công ty đã tích cực thực hiện kiểm soát chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp, để đạt 24,65 tỷ đồng lợi nhuận trước thuế, tăng trưởng 53,81% so với năm 2016.

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2016	Năm 2017
<b>1</b>	<b>Doanh thu thuần</b>	Triệu đồng	346.358	378.948
2	Giá vốn hàng bán	Triệu đồng	289.283	316.911
3	Lợi nhuận gộp về bán hàng & cung cấp dịch vụ	Triệu đồng	57.076	62.037
4	Doanh thu hoạt động tài chính	Triệu đồng	2.546	1.537
5	Chi phí tài chính	Triệu đồng	15	41
6	Chi phí bán hàng	Triệu đồng	34.965	30.821
7	Chi phí quản lý doanh nghiệp	Triệu đồng	8.616	8.061
<b>8</b>	<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	Triệu đồng	16.026	24.651
9	Thu nhập khác	Triệu đồng	8	161
10	Chi phí khác	Triệu đồng	25	0
11	Lợi nhuận (lỗ) khác	Triệu đồng	-17	161
12	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	Triệu đồng	16.009	24.812
13	Chi phí thuế TNDN hiện hành	Triệu đồng	3.860	4.439
14	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	Triệu đồng	(601)	645
<b>15</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	Triệu đồng	12.750	19.728
16	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Đồng	2.289	3.748



## TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

<b>ĐVT: Triệu Đồng</b>			
<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Năm 2016</b>	<b>Năm 2017</b>	<b>Tỷ lệ 2017/2016</b>
<b>Tài sản</b>	<b>105.764</b>	<b>101.097</b>	<b>-4,41%</b>
Tài sản ngắn hạn	61.854	55.647	-10,03%
Tài sản dài hạn	43.910	45.450	3,51%
<b>Nguồn vốn</b>			
Nợ ngắn hạn	20.942	9.682	-53,77%
Nợ dài hạn	3.004	44	-98,53%
Vốn chủ sở hữu	81.818	91.370	111,67%

### **Tài sản:**

Kết thúc năm 2017, tài sản của Công ty đạt mức 101, 10 tỷ đồng, giảm nhẹ 4,41% so với cùng kỳ năm 2016. Trong đó, khoản Tài sản ngắn hạn đạt 55,65 tỷ đồng, giảm hơn 10% so với cuối năm 2016, khoản Tài sản dài hạn tăng 3,51%, đạt 45,45 tỷ đồng. Nguyên nhân chủ yếu là do Công ty sử dụng khoản tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn dưới 3 tháng trị giá 6 tỷ đồng để tài trợ cho Công cụ, dụng cụ phục vụ cho công tác mở rộng mạng lưới điện trong năm tới.



#### **Nguồn vốn:**

Nợ phải trả của Công ty tại thời điểm cuối năm 2017 giảm mạnh về mức 9,73 tỷ đồng, tương đương giảm 59,37% so với cùng kỳ năm 2016. Trong đó, Nợ ngắn hạn giảm 53,77%, còn 9,68 tỷ đồng, Nợ dài hạn giảm còn 44 triệu đồng. Nợ ngắn hạn tiếp tục gia tăng tỷ trọng trong cơ cấu nợ, hơn 99%. Ngoài ra, Công ty không sử dụng nợ vay ngắn hạn và nợ vay dài hạn. Điều này thể hiện nỗ lực của DTV trong việc hướng đến một cơ cấu tài chính lành mạnh.

### **NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ**

Xây dựng và củng cố bộ máy tổ chức sắp xếp nhân sự lãnh đạo chủ chốt và người lao động ở các đơn vị để đảm bảo hoạt động hiệu quả.

Rà soát việc sử dụng lao động, bố trí lao động hợp lý, tiết kiệm chi phí,... nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty.

Thực hiện mở rộng mạng lưới tải điện và cải tạo phục vụ nhu cầu sử dụng của người dân.

Xây dựng và hoàn thiện website nhằm công bố thông tin, chăm sóc khách hàng.

# KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

## Các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh 2018

Các chỉ tiêu chủ yếu	ĐVT	Thực hiện năm 2017	Kế hoạch năm 2018	Tỷ lệ % 2018/2017
Tổng doanh thu	Triệu VNĐ	378.948	413.489	109%
Giá vốn hàng bán	Triệu VNĐ	316.911	349.025	110%
Lợi nhuận từ HĐKD	Triệu VNĐ	62.037	64.464	104%
Lợi nhuận khác	Triệu VNĐ	161	0	0%
Lợi nhuận trước thuế	Triệu VNĐ	<b>24.812</b>	<b>21.678</b>	87%
Lợi nhuận sau thuế	Triệu VNĐ	19.728	17.343	88%

### Các biện pháp cụ thể thực hiện kế hoạch:

Đảm bảo cung cấp điện đủ đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - văn hoá xã hội trên địa bàn tỉnh, với chất lượng cao theo đúng chỉ đạo của Hội đồng quản trị DTV, làm nền tảng thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch.

Năm 2018 dự kiến tình hình kinh tế Trà Vinh tiếp tục phục hồi và tăng trưởng cao hơn năm 2017 GDP của tỉnh Để đảm bảo cung cấp điện năm 2018, Công ty triển khai thực hiện các công việc chính như sau:

#### Công tác tổ chức

- ❖ Xây dựng kế hoạch đào tạo nhân viên có đủ trình độ cần thiết, thực hiện tốt nhiệm vụ được giao và giải quyết công việc phát sinh khác.
- ❖ Tiếp tục rà soát xây dựng, ban hành các văn bản, nội quy, quy trình, quyết định phù hợp tình hình hoạt động của Công ty.

### **Công tác an toàn**

- ❖ Thực hiện nghiêm các Quy định hiện hành về công tác an toàn điện, trang bị, kiểm tra, tập huấn và tuyên truyền đảm bảo an toàn tuyệt đối cho công nhân lao động và khách hàng sử dụng điện.

### **Công tác kinh doanh**

- ❖ Xây dựng chương trình hành động và kế hoạch, giải pháp phát triển khách hàng
- ❖ Thường xuyên khảo sát, tiếp nhận và xử lý các phản ánh của khách hàng để đưa ra các giải pháp, quy trình chăm sóc khách hàng phù hợp.

### **Công tác kỹ thuật**

- ❖ Tổ chức rà soát, thống kê chi tiết các phụ tải mang tính chất mùa vụ, đặc trưng của địa phương nhằm có phương án tối ưu cho các phụ tải trọng yếu phục vụ nhu cầu dân sinh cơ bản (nước sạch, bệnh viện...), nuôi tôm công nghiệp, trồng màu, các sự kiện chính trị, xã hội.
- ❖ Thường xuyên kiểm tra, xử lý khắc phục các khiếm khuyết trên lưới điện hạ áp nhằm đảm bảo vận hành với các thông số kỹ thuật an toàn, đảm bảo chất lượng điện phục vụ người dân và giảm tổn thất điện năng.
- ❖ Ban Chống tổn thất điện năng xây dựng chương trình hành động và kế hoạch, giải pháp giảm tỷ lệ tổn thất điện năng xuống 0,49%.
- ❖ Chuẩn bị đầy đủ vật tư, thiết bị dự phòng nhằm khắc phục nhanh khi có sự cố xảy ra. Hoàn thành kế hoạch đầu tư xây dựng mới, cải tạo, sửa chữa các

## **GIẢI TRÌNH CỦA BAN GIÁM ĐỐC VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN**

Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2017 của DTV được Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam kiểm toán và đã có ý kiến chấp nhận toàn phần. Cho nên, DTV không tiến hành giải trình ở phần này.



# **BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

- ✓ **Đánh giá các mặt hoạt động của công ty**
- ✓ **Đánh giá hoạt động của Ban Giám đốc**
- ✓ **Kế hoạch và định hướng của Hội đồng quản trị**



## ĐÁNH GIÁ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY



Ban Tổng giám đốc và tập thể CBCNV Công ty đã có một năm làm việc đầy nỗ lực, sáng tạo và hiệu quả, hoàn thành các chỉ tiêu kinh doanh mà Đại hội đồng cổ đông đã đề ra. Doanh thu thuần đạt hơn 378 tỷ đồng, tăng trưởng 9,7% so với năm 2016, vượt 7,35% kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông đề ra. Lợi nhuận sau thuế ghi nhận mức tăng trưởng gần 55%, đạt 19,72 tỷ đồng, vượt 76,08% so với kế hoạch.

Bên cạnh đó, Công ty luôn đảm bảo cung cấp điện đầy đủ đáp ứng như cầu phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh.

Công ty cũng thường xuyên rà soát, bảo trì mạng lưới, đảm bảo chất lượng dịch vụ và an toàn điện cho khách hàng. Ngoài ra, DTV cũng chú trọng đầu tư hệ thống tải điện, công cụ dụng cụ, nâng cao năng lực người lao động nhằm tạo động lực tăng trưởng bền vững hằng năm.



## ĐÁNH GIÁ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Ban Tổng Giám đốc có một năm làm việc hiệu quả khi điều hành và chỉ đạo việc thực hiện kết quả kinh doanh đạt hiệu quả tốt. Ban Tổng Giám đốc triển khai thực hiện công tác theo đúng pháp luật và điều lệ Công ty quy định, nghiêm túc thực hiện các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết Hội đồng quản trị nhằm đưa hoạt động kinh doanh của Công ty phát triển theo đúng định hướng đề ra, đảm bảo lợi ích cổ đông.

Ban Tổng Giám đốc luôn nhận thức rõ về các điểm mạnh và điểm yếu của Công ty, đồng thời cập nhật những biến động trong môi trường kinh doanh nhằm phân tích và đưa ra chỉ đạo hợp lý. Các thành viên Ban Tổng Giám đốc luôn thực hiện công việc với quyết tâm cao, chỉ đạo các bộ phận phòng ban chức năng nhằm tối đa hóa hiệu quả công việc. Ban Tổng Giám đốc thường xuyên thực hiện báo cáo tình hình định kỳ với Hội đồng quản trị, tham mưu ý kiến với Hội đồng quản trị để kịp thời xử lý các tình huống bất ngờ, đột xuất. Ban Tổng Giám đốc cũng đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ với Nhà nước, chi trả lương thưởng và các chế độ phúc lợi xã hội đầy đủ và kịp thời, chú trọng xây dựng mối quan hệ tốt với tập thể người lao động Công ty.

## CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đẩy mạnh công tác mở rộng khách hàng để hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh Đại hội đồng cổ đông đề ra, góp phần nào công cuộc xây dựng Nông thôn mới trên toàn tỉnh Trà Vinh.

Xây dựng quy trình chăm sóc khách hàng, hỗ trợ thông tin cho khách hàng về an toàn điện, tiết kiệm điện.

Khảo sát, đề xuất xây dựng mới các đường dây trung, hạ thế, cải tạo nâng cấp các đường dây hạ thế xuống cấp, tổn thất điện năng cao, đồng thời lên kế hoạch lắp mới, nâng công suất các TBA phục vụ việc cấp điện cho nhu cầu của khách

Nhằm tăng cường hiệu quả quản trị, Công ty đang từng bước thực hiện tái cấu trúc hệ thống quản trị và vận hành của Công ty theo hướng tinh gọn, tập trung và hiệu quả. Ứng dụng Hệ thống thông tin quản lý vào hoạt động sản xuất kinh doanh.

Xây dựng kế hoạch đào tạo, nâng cao năng lực, kỹ năng giải quyết vấn đề nhằm đảm bảo an toàn và hiệu quả trong việc vận hành, sửa chữa và cung cấp ổn định cho khách hàng.

Xây dựng quy chế Quản trị nội bộ và chuẩn hóa quy trình làm việc nhằm gia tăng kiểm soát chi phí, tăng doanh thu và lợi nhuận.

Tăng cường tham gia các hoạt động hướng đến bảo vệ môi trường, sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên đặc biệt là tài nguyên điện, nước, nâng cao nhận thức của người dân về biến đổi khí hậu.



BÁO CÁO

# PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG







# VỀ KINH TẾ

Công ty Cổ phần Phát triển Điện nông thôn Trà Vinh hoạt động trên nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, dân chủ và tôn trọng pháp luật. Các cổ đông cùng góp vốn, cùng phân chia lợi nhuận, cùng chịu trách nhiệm về các khoản nợ và các nghĩa vụ về tài chính khác của công ty trong phạm vi số vốn mình đã góp vào công ty. Tạo công việc ổn định cho người lao động, đảm bảo lợi ích cho các cổ đông, góp phần tăng thu ngân sách tạo điều kiện thúc đẩy phát triển kinh tế Tỉnh Trà

Từ thời điểm thành lập cho đến nay, Công ty Cổ phần Phát triển Điện nông thôn Trà Vinh luôn cố gắng thực hiện các mục tiêu đã đề ra. Những năm gần đây, mặc dù không có sự tăng trưởng về lợi nhuận, tuy nhiên Ban lãnh đạo và toàn thể CB.CNV Công ty luôn hoàn thành tốt kế hoạch năm nhờ đó góp phần tạo công việc ổn định cho người lao động, lợi ích kinh tế cho cổ đông.

Tiêu chí	Giá trị mang lại trong năm 2017
Kết quả hoạt động	Doanh thu thuần: 378.947.818.308 đồng; LNST: 19.727.898.987 đồng
Người lao động	Mức lương bình quân 2017 là 12,16 triệu đồng/người/tháng

Công ty đã và đang tạo được việc làm ổn định cho CB.CNV của mình, tuân thủ thực hiện đầy đủ các quy định dành cho người lao động, duy trì các chính sách phúc lợi đều đặn hàng năm. Kết quả là thu nhập bình quân của CB.CNV trong những năm gần đây được cải thiện tích cực, người lao động có được công việc ổn định, tinh thần gắn bó với doanh nghiệp được nâng cao.

Luôn duy trì thực hiện tốt công tác đoàn thể. Hàng tháng, công ty có sự kết hợp cùng Chính quyền, công đoàn bình xét thi đua, thăm hỏi CB.CNV ốm đau, theo quy định, đóng góp ủng hộ quỹ "Học giỏi sống tốt". Thực hiện tốt công tác an toàn vệ sinh lao động.



# VỀ MÔI TRƯỜNG – NĂNG LƯỢNG

Hoạt động trong nhóm ngành an sinh xã hội, Công ty luôn nhận thức được vai trò đối với đời sống người dân và môi trường sống trong địa bàn Công ty hoạt động. Ban Tổng Giám đốc luôn chỉ đạo tập thể người lao động phải thực hiện nghiêm túc các cam kết về chất lượng mạng lưới và an toàn điện. Bên cạnh đó, Công ty cũng tích cực tham gia vào các hoạt động tuyên truyền bảo vệ môi trường, thực hành tiết kiệm điện và nâng cao nhận thức của người dân về tình trạng biến đổi khí hậu.

Bên cạnh đó, Công ty cũng thực hiện chia sẻ trách nhiệm xã hội với cộng đồng thông qua các hoạt động thiện nguyện, hoạt động tình nguyện, hỗ trợ các dự án hướng đến cải thiện chất lượng cuộc sống cộng đồng.

DTV luôn chú ý để có thể sử dụng điều độ và hợp lý các nguồn năng lượng như điện nước góp phần vào việc sử dụng có hiệu quả tài nguyên quốc gia và giảm thiểu chi phí hoạt động. Công ty chưa từng bị xử phạt do không tuân thủ các quy định về môi trường.



# QUẢN TRỊ CÔNG TY

- ✓ Hội đồng quản trị
- ✓ Ban kiểm soát
- ✓ Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích



## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

### CÁC TIỂU BAN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hiện nay Công ty không thành lập tiểu ban hội đồng quản trị.

### HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trong năm 2017, Hội đồng quản trị đã có 03 cuộc họp với sự tham dự của đầy đủ các thành viên

STT	Họ và tên	Chức danh	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Lê Thị Khê	Chủ Tịch HĐQT	03	100	
2	Nguyễn Trọng Hiền	Thành viên	03	100	
3	Võ Phùng Thuận	Thành viên	03	100	
4	Lê Tuấn Hải	Thành viên	03	100	
5	Vũ Hiền	Thành viên	0	0%	Các cuộc họp có ủy quyền

Trong năm 2017, Hội đồng Quản trị Công ty đã tổ chức các cuộc họp thường ký hàng Quý nhằm đảm bảo nắm bắt toàn diện mọi tình hình hoạt động của Công ty để đưa ra những Quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh hàng Quý. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị tập chung vào một số vấn đề chính như sau:

- ❖ Chỉ đạo, đánh giá kết quả SXKD và đầu tư xây dựng cơ bản trong từng tháng, Quý. Đôn đốc và giám sát ban điều hành công ty thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ điều hành, quản lý để thực hiện tốt những chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh trong từng tháng, quý còn lại.
- ❖ Chỉ đạo chuẩn bị nội dung, tài liệu và công tác tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017. Thực hiện Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 thành công tốt đẹp.
- ❖ Kiểm tra, theo dõi việc công bố thông tin định kỳ và bất thường cho Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội công ty đã thực hiện theo đúng quy định.
- ❖ Phê duyệt các chủ trương, ban hành các Nghị quyết, Quyết định thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh và đầu tư xây dựng.
- ❖ Các thành viên Hội đồng quản trị đã thực hiện tốt chức năng nhiệm vụ của mình theo đúng Điều lệ Công ty, dự họp đầy đủ và có nhiều ý kiến đóng góp thiết thực cho việc ban hành và tổ chức thực hiện các Nghị quyết, Quyết định.

**Các nghị quyết và quyết định trong năm 2017 của HĐQT:****Nghị quyết HĐQT**

<b>STT</b>	<b>Số nghị quyết</b>	<b>Ngày</b>	<b>Nội dung</b>
<b>1</b>	<b>02/NQ-HĐQT</b>	01/10/2017	V/v thực hiện quyết định số 23/2016/QĐ-UBND
<b>2</b>	<b>03/NQ-HĐQT</b>	30/3/2017	V/v tổ chức ĐHCĐ thường niên năm 2017
<b>3</b>	<b>04/NQ-HĐQT</b>	14/4/2017	NQ Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017
<b>4</b>	<b>05/NQ-HĐQT</b>	25/7/2017	V/v phê chuẩn kết quả kinh doanh 6 tháng đầu năm 2017 và kế hoạch SXKD 6 tháng cuối năm 2017
<b>5</b>	<b>06/NQ-HĐQT</b>	26/7/2017	V/v miễn nhiệm và phê chuẩn chức danh Chủ tịch HĐQT công ty.
<b>6</b>	<b>07/NQ-HĐQT</b>	26/7/2017	V/v miễn nhiệm và bổ nhiệm Tổng Giám đốc công ty.
<b>7</b>	<b>08/NQ-HĐQT</b>	22/8/2017	V/v phê chuẩn mức lương, thưởng của CT.HĐQT và TGD Cty.
<b>8</b>	<b>09/NQ-HĐQT</b>	20/10/2017	v/v phê chuẩn kế hoạch thực hiện chỉ tiêu Quý IV/2017

**Quyết định HĐQT**

<b>STT</b>	<b>Số quyết định</b>	<b>NGÀY</b>	<b>Nội dung</b>
<b>1</b>	<b>10/QĐ-HĐQT</b>	11/03/2017	Quyết định về việc ban hành Quy chế hoạt động của HĐQT công ty.



## CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

### Thù lao, lương, thưởng ng và các khoản lợi ích

STT	Họ và tên	Chức danh	Thù lao
<b>I</b>	<b>Hội đồng quản trị</b>		
1	Lê Thị Khê	Chủ Tịch HĐQT	55.750.000
2	Nguyễn Trọng Hiền	Thành viên	42.000.000
3	Võ Phùng Thuận	Thành viên	42.000.000
4	Lê Tuấn Hải	Thành viên	61.250.000
5	Vũ Hiền	Thành viên	42.000.000
<b>II</b>	<b>Ban kiểm soát</b>		
1	Nguyễn Thị Huỳnh Phương	Trưởng BKS	54.000.000
2	Lương Thu Hằng	Thành Viên	36.000.000
3	Hồ Thị Á	TBKS Quý 1/2017	15.000.000

**Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:** Không

**Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:** Không



# BÁO CÁO TÀI CHÍNH

## Công ty Cổ phần Phát triển Điện Nông thôn Trà Vinh

### MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính	10 - 25

## Công ty Cổ phần Phát triển Điện Nông thôn Trà Vinh

### THÔNG TIN CHUNG

#### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Phát triển Điện Nông thôn Trà Vinh ("Công ty") trước đây là một doanh nghiệp Nhà nước được cổ phần hóa theo Quyết định số 1154/QĐ-UBND do Ủy ban Nhân dân Tỉnh Trà Vinh cấp ngày 11 tháng 7 năm 2005. Việc cổ phần hóa đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Trà Vinh đồng thuận bằng việc cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 2100110200 ngày 13 tháng 7 năm 2006 và các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó.

Ngày 9 tháng 9 năm 2010, cổ phiếu của Công ty chính thức giao dịch trên thị trường giao dịch chứng khoán của các công ty đại chúng chưa niêm yết ("UPCOM") với mã chứng khoán DTV.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là bán lẻ điện nông thôn; vật tư chuyên ngành điện; thi công lắp đặt đường dây và trạm biến áp đến cấp điện áp 35 KV; tư vấn, thiết kế, giám sát các công trình điện đến cấp điện áp 35 KV.

Công ty có trụ sở chính tại Khóm 1, Phường 9, Thành phố Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh, Việt Nam.

#### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Lê Thị Khê	Chủ tịch	bổ nhiệm ngày 31 tháng 7 năm 2017
Ông Lê Tuấn Hải	Chủ tịch	từ nhiệm ngày 31 tháng 7 năm 2017
Bà Lê Thị Khê	Phó chủ tịch	từ nhiệm ngày 31 tháng 7 năm 2017
Ông Nguyễn Trọng Hiền		
Ông Võ Phùng Thuận		
Ông Vũ Hiền		

#### BAN KIỂM SOÁT

Thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Thị Huỳnh Phương	Trưởng ban	bổ nhiệm ngày 14 tháng 4 năm 2017
Bà Hồ Thị A	Trưởng ban	từ nhiệm ngày 14 tháng 4 năm 2017
Bà Lương Thu Hằng	Thành viên	

#### BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lý Ngọc Tuấn	Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 31 tháng 7 năm 2017
Bà Lê Thị Khê	Tổng Giám đốc	từ nhiệm ngày 31 tháng 7 năm 2017
Ông Lý Ngọc Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	từ nhiệm ngày 31 tháng 7 năm 2017
Bà Trương Thị Thùy Linh	Phó Tổng Giám đốc	

#### NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Lý Ngọc Tuấn.

#### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.



## Công ty Cổ phần Phát triển Điện Nông thôn Trà Vinh

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Phát triển Điện Nông thôn Trà Vinh (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

#### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

#### CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Lý Ngọc Tuấn  
Tổng Giám đốc

Ngày 7 tháng 3 năm 2018



Ernst & Young Vietnam Limited  
28th Floor, Bitexco Financial Tower  
2 Hai Trieu Street, District 1  
Ho Chi Minh City, S.R. of Vietnam

Tel: +84 28 3824 5252  
Fax: +84 28 3824 5250  
ey.com

Số tham chiếu: 61296701/19357213

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Quý Cổ đông và Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Phát triển Điện Nông thôn Trà Vinh**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Phát triển Điện Nông thôn Trà Vinh ("Công ty") được lập ngày 7 tháng 3 năm 2018 và được trình bày từ trang 5 đến trang 25, bao gồm bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

### ***Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc***

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



### **Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### **Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam**



Lê Vũ Trường  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy CNDKHN kiểm toán  
Số: 1588-2018-004-1

Nguyễn Thanh Sang  
Kiểm toán viên  
Giấy CNDKHN kiểm toán  
Số: 1541-2018-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 7 tháng 3 năm 2018



BẢNG CÂN ĐÒI KẾ TOÁN  
ngày 31 tháng 12 năm 2017

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>55.647.165.099</b>	<b>61.853.952.354</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>4</b>	<b>1.115.733.989</b>	<b>8.886.065.668</b>
111	1. Tiền		1.115.733.989	2.886.065.668
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	6.000.000.000
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>13.159.351.070</b>	<b>12.269.437.010</b>
121	1. Chứng khoán kinh doanh		62.484	62.484
123	2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5	13.159.288.586	12.269.374.526
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>35.183.358.048</b>	<b>33.085.482.148</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	34.458.717.278	31.795.068.027
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		-	18.000.000
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	724.640.770	1.272.414.121
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>8</b>	<b>5.902.350.831</b>	<b>7.276.532.604</b>
141	1. Hàng tồn kho		5.902.350.831	8.608.123.281
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		-	(1.331.590.677)
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>286.371.161</b>	<b>336.434.924</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	9	286.371.161	336.434.924
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>45.449.626.307</b>	<b>43.909.682.102</b>
<b>210</b>	<b>I. Phải thu dài hạn</b>		<b>1.661.963.366</b>	<b>2.801.963.714</b>
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng	6	1.661.963.366	2.801.963.714
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>31.429.314.290</b>	<b>31.550.156.309</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	31.429.314.290	31.550.156.309
222	Nguyên giá		82.991.020.212	76.346.201.839
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(51.561.705.922)	(44.796.045.530)
227	2. Tài sản cố định vô hình		-	-
228	Nguyên giá		40.000.000	40.000.000
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(40.000.000)	(40.000.000)
<b>260</b>	<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>12.358.348.651</b>	<b>9.557.562.079</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	9	12.358.348.651	8.956.751.679
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	18.3	-	600.810.400
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>101.096.791.406</b>	<b>105.763.634.456</b>





Công ty Cổ phần Phát triển Điện Nông thôn Trà Vinh

B02-DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
10	1. Doanh thu thuần về bán hàng	14.1	378.947.818.308	346.358.499.262
11	2. Giá vốn hàng bán	15	(316.910.535.557)	(289.282.610.604)
20	3. Lợi nhuận gộp về bán hàng		62.037.282.751	57.075.888.658
21	4. Doanh thu hoạt động tài chính	14.2	1.536.856.011	2.546.345.772
22	5. Chi phí tài chính		(41.136.986)	(15.166.667)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(41.136.986)	(15.166.667)
25	6. Chi phí bán hàng	16	(30.820.998.652)	(34.964.640.397)
26	7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	17	(8.061.497.352)	(8.616.286.429)
30	8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		24.650.505.772	16.026.140.937
31	9. Thu nhập khác		161.196.250	8.536.109
32	10. Chi phí khác		(15.788)	(25.400.000)
40	11. Lợi nhuận (lỗ) khác		161.180.462	(16.863.891)
50	12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		24.811.686.234	16.009.277.046
51	13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	18	(4.438.834.680)	(3.859.845.809)
52	14. (Chi phí) thu nhập thuế TNDN hoãn lại	18	(644.952.567)	600.810.400
60	15. Lợi nhuận sau thuế TNDN		19.727.898.987	12.750.241.637
70	16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	13.4	3.748	2.289
71	17. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	13.4	3.748	2.289



Vương Quý Khen  
Người lập





Lê Thị Ngọc Hằng  
Kế toán trưởng

Lý Ngọc Tuấn  
Tổng Giám đốc

Ngày 7 tháng 3 năm 2018



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>01</b>	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>		<b>24.811.686.234</b>	<b>16.009.277.046</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn tài sản cố định	10	6.938.904.857	5.626.660.635
03	(Hoàn nhập dự phòng) dự phòng		(7.252.137.734)	72.751.057
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(1.030.715.906)	(2.080.044.709)
06	Chi phí lãi vay		41.136.986	15.166.667
<b>08</b>	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>23.508.874.437</b>	<b>19.643.810.696</b>
09	Tăng các khoản phải thu		(1.020.137.879)	(10.071.126.699)
10	Tăng hàng tồn kho		(3.541.127.945)	(1.891.445.933)
11	(Giảm) tăng các khoản phải trả		(8.439.303.147)	3.793.779.539
12	Tăng chi phí trả trước		(3.351.533.209)	(547.292.054)
13	Giảm chứng khoán kinh doanh		-	1.194.817.516
14	Tiền lãi vay đã trả		(41.136.986)	(15.166.667)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	11	(4.790.769.060)	(2.740.000.000)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(583.720.000)	(1.058.865.671)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>1.741.146.211</b>	<b>8.308.510.727</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm tài sản cố định		(571.162.443)	(2.022.442.684)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán tài sản cố định		55.181.818	-
23	Tiền chi gửi kỳ hạn ngân hàng		(22.159.288.586)	-
24	Tiền thu hồi gửi kỳ hạn ngân hàng		21.269.374.526	8.468.894.971
27	Tiền thu lãi và cổ tức		1.369.616.795	1.887.845.354
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động đầu tư</b>		<b>(36.277.890)</b>	<b>8.334.297.641</b>
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	Tiền thu từ đi vay		3.000.000.000	-
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(3.000.000.000)	(3.000.000.000)
36	Cổ tức đã trả	13.2	(9.475.200.000)	(6.843.200.000)
<b>40</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính</b>		<b>(9.475.200.000)</b>	<b>(9.843.200.000)</b>

Công ty Cổ phần Phát triển Điện Nông thôn Trà Vinh

B03-DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày ngày 31 tháng 12 năm 2017

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
50	Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong năm		(7.770.331.679)	6.799.608.368
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		8.886.065.668	2.086.457.300
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	1.115.733.989	8.886.065.668



Vương Quý Khen  
Người lập



Lê Thị Ngọc Hằng  
Kế toán trưởng



Lý Ngọc Tuấn  
Tổng Giám đốc

Ngày 7 tháng 3 năm 2018



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**1. THÔNG TIN CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Phát triển Điện Nông thôn Trà Vinh ("Công ty") trước đây là một doanh nghiệp Nhà nước được cổ phần hóa theo theo Quyết định số 1154/QĐ-UBND do Ủy ban Nhân dân Tỉnh Trà Vinh cấp ngày 11 tháng 7 năm 2005. Việc cổ phần hóa đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Trà Vinh đồng thuận bằng việc cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 2100110200 ngày 13 tháng 7 năm 2006 và các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó.

Ngày 9 tháng 9 năm 2010, cổ phiếu của Công ty chính thức giao dịch trên thị trường giao dịch chứng khoán của các công ty đại chúng chưa niêm yết ("UPCOM") với mã chứng khoán DTV.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là phân phối và bán lẻ điện; vật tư chuyên ngành điện; thi công lắp đặt đường dây và trạm biến áp đến cấp điện áp 35 KV; tư vấn, thiết kế, giám sát các công trình điện đến cấp điện áp 35 KV.

Công ty có trụ sở chính tại Khóm 1, Phường 9, Thành phố Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 196 (ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 196).

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY**

**2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

**2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Chứng từ ghi sổ.

**2.3 Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

**3.2 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền

*Dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

**3.3 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

**3.4 Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**3.5 Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.5 Tài sản cố định vô hình (tiếp theo)**

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**3.6 Khấu hao và hao mòn**

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 25 năm
Máy móc, thiết bị	3 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	3 - 15 năm
Thiết bị văn phòng	2 - 5 năm
Phần mềm máy tính	3 năm

**3.7 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán như chi phí trong năm khi phát sinh.

**3.8 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

*Tiền thuê đất trả trước*

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất. Theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013, hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, các khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ dần vào chi phí dự án hay chi phí theo thời gian còn lại của quyền sử dụng đất.

**3.9 Các khoản đầu tư**

*Chứng khoán kinh doanh*

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận theo giá mua thực tế.

*Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

**3.10 Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được và không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.11 Các khoản dự phòng**

Công ty ghi nhận dự phòng khi có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) là kết quả của một sự kiện đã xảy ra trong quá khứ. Việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và Công ty có thể đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Khi Công ty cho rằng một phần hoặc toàn bộ chi phí để thanh toán một khoản dự phòng sẽ được hoàn lại, ví dụ như thông qua hợp đồng bảo hiểm, khoản bồi hoàn này chỉ được ghi nhận là một tài sản riêng biệt khi việc nhận được bồi hoàn là gần như chắc chắn. Chi phí liên quan đến các khoản dự phòng được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sau khi đã trừ đi các khoản bồi hoàn.

Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì giá trị của một khoản dự phòng cần được chiết khấu về giá trị hiện tại sử dụng tỷ lệ chiết khấu là tỷ lệ trước thuế và phản ánh rõ những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khi giá trị của khoản dự phòng được chiết khấu, phần tăng lên theo thời gian của khoản dự phòng được ghi nhận là chi phí tài chính.

**3.12 Cổ phiếu quỹ**

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi hoặc lỗ khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

**3.13 Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty trước khi trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

**3.14 Phân chia lợi nhuận**

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

- ▶ Quỹ đầu tư phát triển  
Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- ▶ Quỹ khen thưởng, phúc lợi  
Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán.

**3.15 Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.15 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)**

*Doanh thu bán điện thương phẩm*

Doanh thu được ghi nhận dựa trên số lượng điện thực tế đã bán và truyền tải đến các hộ dân tại cuối tháng.

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

*Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

**3.16 Thuế**

*Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho hoặc được thu hồi từ cơ quan thuế, sử dụng các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

*Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có thu nhập chịu thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ thu nhập chịu thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ thu nhập chịu thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.16 Thuế (tiếp theo)**

*Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)*

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc Công ty dự định thanh toán thuế TNDN hiện hành phải nộp và tài sản thuế TNDN hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng năm trong tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế TNDN hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế TNDN hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

**3.17 Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	13.534.567	15.198.445
Tiền gửi ngân hàng	1.102.199.422	2.870.867.223
Các khoản tương đương tiền	-	6.000.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.115.733.989</b>	<b>8.886.065.668</b>

**5. ĐÀU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn thể hiện các khoản tiền gửi ngắn hạn có kỳ hạn còn lại dưới 12 tháng tại các ngân hàng thương mại và hưởng lãi suất từ 4,8%/năm đến 7,5%/năm.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Ngắn hạn</b>	<b>34.458.717.278</b>	<b>31.795.068.027</b>
Huyện Châu Thành	9.343.765.730	7.655.011.546
Huyện Càng Long	5.059.667.273	5.060.654.610
Huyện Tiểu Cần	4.446.326.045	4.015.904.628
Huyện Duyên Hải	4.186.735.457	3.485.614.736
Huyện Trà Cú	4.147.476.999	3.630.184.449
Huyện Cầu Ngang	4.098.272.713	3.673.096.044
Huyện Cầu Kè	3.080.328.961	3.203.193.914
Khác	96.144.100	1.071.408.100
<b>Dài hạn</b>	<b>1.661.963.366</b>	<b>2.801.963.714</b>
Huyện Châu Thành	330.151.732	588.067.290
Huyện Cầu Kè	268.961.671	408.795.003
Huyện Càng Long	261.933.973	418.541.964
Huyện Cầu Ngang	248.410.046	474.810.410
Huyện Tiểu Cần	203.699.665	291.530.197
Huyện Trà Cú	180.396.802	390.490.455
Huyện Duyên Hải	168.409.477	229.728.395
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>36.120.680.644</b>	<b>34.597.031.741</b>

**7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Lãi tiền gửi	272.990.567	667.073.274
Khác	451.650.203	605.340.847
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>724.640.770</b>	<b>1.272.414.121</b>

**8. HÀNG TỒN KHO**

	VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	5.818.363.520	-	8.490.539.616	(1.331.590.677)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	17.935.000	-	114.618.665	-
Công cụ, dụng cụ	66.052.311	-	2.965.000	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>5.902.350.831</b>	<b>-</b>	<b>8.608.123.281</b>	<b>(1.331.590.677)</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**8. HÀNG TỒN KHO (tiếp theo)**

*Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	1.331.590.677	1.331.590.677
Trừ: Sử dụng và hoàn nhập dự phòng trong năm	<u>(1.331.590.677)</u>	<u>-</u>
Số cuối năm	<u>-</u>	<u>1.331.590.677</u>

**9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Ngắn hạn</b>	<b>286.371.161</b>	<b>336.434.924</b>
Công cụ, dụng cụ	210.318.844	195.441.195
Chi phí cải tạo văn phòng	29.082.164	140.993.729
Khác	46.970.153	-
<b>Dài hạn</b>	<b>12.358.348.651</b>	<b>8.956.751.679</b>
Công cụ, dụng cụ	8.883.808.979	5.275.331.803
Chi phí duy trì và vận hành		
đường dây hạ thế và trạm biến áp	2.507.472.270	2.880.673.476
Quyền sử dụng đất	845.145.280	630.765.976
Khác	<u>121.922.122</u>	<u>169.980.424</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>12.644.719.812</u></b>	<b><u>9.293.186.603</u></b>



**Công ty Cổ phần Phát triển Điện Nông thôn Trà Vinh**

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
<b>Nguyên giá:</b>					VND
Số đầu năm	4.377.316.534	106.280.135	71.680.795.640	181.809.530	76.346.201.839
Mua trong năm	48.727.273	-	6.769.335.565	-	6.818.062.838
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(173.244.465)	-	(173.244.465)
Số cuối năm	4.426.043.807	106.280.135	78.276.866.740	181.809.530	82.991.020.212
<b>Trong đó:</b>					
Đã khấu hao hết	577.024.870	106.280.135	8.690.893.093	17.809.530	9.392.007.628
<b>Giá trị hao mòn lũy kế:</b>					
Số đầu năm	(1.820.501.642)	(106.280.135)	(42.718.095.355)	(151.168.398)	(44.796.045.530)
Khấu hao trong năm	(371.438.274)	-	(6.538.022.927)	(29.443.656)	(6.938.904.857)
Thanh lý, nhượng bán	-	-	173.244.465	-	173.244.465
Số cuối năm	(2.191.939.916)	(106.280.135)	(49.082.873.817)	(180.612.054)	(51.561.705.922)
<b>Giá trị còn lại:</b>					
Số đầu năm	2.556.814.892	-	28.962.700.285	30.641.132	31.550.156.309
Số cuối năm	2.234.103.891	-	29.194.012.923	1.197.476	31.429.314.290

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC**

	VND			
	Số đầu năm	Số tăng trong năm	Số giảm trong năm	Số cuối năm
Thuế giá trị gia tăng	317.950.789	5.156.457.234	(4.810.882.650)	663.525.373
Thuế thu nhập doanh nghiệp	740.769.060	4.438.834.680	(4.790.769.060)	388.834.680
Thuế thu nhập cá nhân	7.300.000	406.519.755	(411.869.755)	1.950.000
Khác	-	128.652.116	(128.652.116)	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.066.019.849</b>	<b>10.130.463.785</b>	<b>(10.142.173.581)</b>	<b>1.054.310.053</b>

**12. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đường dây hạ áp khu tái định cư Hiệp Thạnh phải trả cho ngân sách Tỉnh Trà Vinh	572.494.823	572.494.823
Khác	102.000.000	181.109.362
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>674.494.823</b>	<b>753.604.185</b>

**Công ty Cổ phần Phát triển Điện Nông thôn Trà Vinh**

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**13. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**13.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu**

	Vốn điều lệ	Cổ phiếu quỹ	Quý đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
<b>Năm trước</b>					
Số đầu năm	52.800.000.000	(160.000.000)	16.304.280.755	7.879.447.828	76.823.728.583
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	12.750.241.637	12.750.241.637
Cổ tức công bố	-	-	-	(6.843.200.000)	(6.843.200.000)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(604.372.587)	(604.372.587)
Thù lao cho Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát	-	-	-	(308.861.715)	(308.861.715)
Số cuối năm	52.800.000.000	(160.000.000)	16.304.280.755	12.873.255.163	81.817.535.918
<b>Năm nay</b>					
Số đầu năm	52.800.000.000	(160.000.000)	16.304.280.755	12.873.255.163	81.817.535.918
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	19.727.898.987	19.727.898.987
Cổ tức công bố	-	-	-	(9.475.200.000)	(9.475.200.000)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	2.575.041.637	(2.575.041.637)	-
Thù lao cho Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát	-	-	-	(200.000.000)	(200.000.000)
Số cuối năm	52.800.000.000	(160.000.000)	18.879.322.392	19.850.912.513	91.370.234.905

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. **VỐN CHỦ SỞ HỮU** (tiếp theo)

13.2 **Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Vốn cổ phần đã góp</b>		
Số đầu năm và số cuối năm	<u>52.800.000.000</u>	<u>52.800.000.000</u>
Cổ tức công bố	9.475.200.000	6.843.200.000
Cổ tức đã trả	9.475.200.000	6.843.200.000

13.3 **Cổ phiếu**

	Năm nay	Năm trước
	(Cổ phiếu)	(Cổ phiếu)
Cổ phiếu được phép phát hành	5.280.000	5.280.000
Cổ phiếu phổ thông	5.280.000	5.280.000
Cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	5.264.000	5.264.000
Cổ phiếu phổ thông	5.264.000	5.264.000
Cổ phiếu quỹ	16.000	16.000
Cổ phiếu phổ thông	16.000	16.000
Cổ phiếu đang lưu hành	5.264.000	5.264.000
Cổ phiếu phổ thông	5.264.000	5.264.000

13.4 **Lãi trên cổ phiếu**

Lãi trên cổ phiếu được tính toán như sau:

	Năm nay	Năm trước (trình bày lại)
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	19.727.898.987	12.750.241.637
Điều chỉnh giảm do trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	(700.000.000)
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	19.727.898.987	12.050.241.637
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân (cổ phiếu)	5.264.000	5.264.000
Lãi trên cổ phiếu (VND/ cổ phiếu)	3.748	2.289

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm 2017 chưa được điều chỉnh giảm cho khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận của năm 2017 do chưa có Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông để trích lập quỹ từ nguồn lợi nhuận sau thuế cho năm hiện tại.

Không có cổ phiếu phổ thông tiềm tàng suy giảm trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính này.



Công ty Cổ phần Phát triển Điện Nông thôn Trà Vinh

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**14. DOANH THU**

**14.1 Doanh thu thuần về bán hàng**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán điện thương phẩm	365.550.655.426	328.191.401.908
Doanh thu bán thiết bị điện	13.397.162.882	18.167.097.354
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>378.947.818.308</u></b>	<b><u>346.358.499.262</u></b>

**14.2 Doanh thu hoạt động tài chính**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	975.534.088	1.372.710.489
Lãi trả chậm	561.321.923	707.334.220
Lãi bán chứng khoán kinh doanh	-	466.301.063
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>1.536.856.011</u></b>	<b><u>2.546.345.772</u></b>

**15. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn bán điện thương phẩm	311.363.014.533	279.183.961.057
Giá vốn bán thiết bị điện	8.015.030.014	7.628.449.547
(Hoàn nhập dự phòng) dự phòng cải tạo	(2.467.508.990)	2.470.200.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>316.910.535.557</u></b>	<b><u>289.282.610.604</u></b>

**16. CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	27.035.816.200	31.806.932.535
Chi phí công cụ dụng cụ	2.217.293.207	1.441.825.917
Chi phí khấu hao	289.892.154	231.254.742
Chi phí dịch vụ mua ngoài	151.768.578	41.525.506
Khác	1.126.228.513	1.443.101.697
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>30.820.998.652</u></b>	<b><u>34.964.640.397</u></b>

Công ty Cổ phần Phát triển Điện Nông thôn Trà Vinh

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**17. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	5.782.585.819	6.740.702.431
Thiết bị văn phòng	550.177.289	321.563.367
Chi phí dịch vụ mua ngoài	531.751.294	327.819.677
Chi phí khấu hao	265.251.744	208.947.188
Khác	931.731.206	1.017.253.766
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>8.061.497.352</u></b>	<b><u>8.616.286.429</u></b>

**18. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") áp dụng cho Công ty là 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**18.1 Chi phí thuế TNDN**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	4.438.834.680	3.859.845.809
Chi phí (thu nhập) thuế TNDN hoãn lại	<u>644.952.567</u>	<u>(600.810.400)</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>5.083.787.247</u></b>	<b><u>3.259.035.409</u></b>

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b><u>24.811.686.234</u></b>	<b><u>16.009.277.046</u></b>
Thuế TNDN theo thuế suất áp dụng cho Công ty	4.962.337.247	3.201.855.409
Thù lao Thành viên Hội đồng Quản trị không tham gia điều hành trực tiếp	58.450.000	50.100.000
Chi phí không được khấu trừ	<u>63.000.000</u>	<u>7.080.000</u>
<b>Chi phí thuế TNDN</b>	<b><u>5.083.787.247</u></b>	<b><u>3.259.035.409</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**18. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

**18.2 Thuế TNDN hiện hành**

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

**18.3 Thuế TNDN hoãn lại**

Công ty đã ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại với các biến động trong năm báo cáo và năm trước như sau:

	VND			
	<i>Bảng cân đối kế toán</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Dự phòng phải trả	-	600.810.400	(600.810.400)	600.810.400
Phân bổ chi phí trả trước	(44.142.167)	-	(44.142.167)	-
<b>(Thuế thu nhập hoãn lại phải trả) tài sản thuế thu nhập hoãn lại</b>	<b>(44.142.167)</b>	<b>600.810.400</b>		
<b>(Chi phí) thu nhập thuế TNDN hoãn lại tính vào kết quả hoạt động kinh doanh</b>			<b>(644.952.567)</b>	<b>600.810.400</b>

**19. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	VND	
			<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh	Công ty mẹ	Trả cổ tức	6.280.689.600	-

**Giao dịch với các bên liên quan khác:**

Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và thù lao của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát trong năm:

	VND	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Thu nhập và thù lao	<u>2.106.750.883</u>	<u>1.689.313.412</u>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**20. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

Công ty hiện đang thuê đất theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc ngày kế toán năm, khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Dưới 1 năm	37.651.888	83.704.188
Từ 1 đến 5 năm	23.786.940	56.681.440
Trên 5 năm	153.918.128	158.675.516
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>215.356.956</b>	<b>299.061.144</b>

**21. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM**

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính.



Vương Quý Khen  
Người lập



Lê Thị Ngọc Hằng  
Kế toán trưởng



Lý Ngọc Tuấn  
Tổng Giám đốc

Ngày 7 tháng 3 năm 2018



# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2017

## CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐIỆN NÔNG THÔN TRÀ VINH

*Trà vinh, Ngày 04 tháng 04 năm 2018*

XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

